

TRUYỀN THÔNG VÀ NGOẠI GIAO VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ: CUỘC CHIẾN MỚI VỚI CHIẾN DỊCH NGOẠI GIAO “TÌM KIẾM HOÀ BÌNH” CỦA MỸ (1965-1967)

Hoàng Hải Hà và Nguyễn Ngọc Ánh

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Bài viết tìm hiểu về các hoạt động đấu tranh truyền thông và ngoại giao của Việt Nam Dân chủ cộng hòa (VNDCCH) trước việc chính phủ Mỹ đẩy mạnh tuyên truyền luận điểm “tìm kiếm hòa bình” kết thúc cuộc chiến tranh ở Việt Nam trong giai đoạn 1965-1967. Thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau như báo chí trong nước, hợp báo, trả lời điện thư và phỏng vấn của giới truyền thông quốc tế, đón tiếp các vị khách quốc tế có tầm ảnh hưởng tại Hà Nội, VNDCCH đã khẳng định tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến cũng như bác bỏ những điều kiện mở đàm phán kết thúc chiến tranh mang tính “có đi có lại” của Mỹ, từ đó tạo “bệ đỡ tinh thần” cho phái đoàn đàm phán bước vào Hội nghị Paris sau này (1968- 1973). Những hoạt động này cho thấy tầm quan trọng của đấu tranh trên lĩnh vực truyền thông và ngoại giao bên cạnh chính trị, quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Từ khóa: Truyền thông, ngoại giao, kháng chiến chống Mỹ, Tổng thống Johnson.

1. Mở đầu

Trong quá trình điều chỉnh chiến lược đối ngoại nhằm thực hiện “ngăn chặn chủ nghĩa Cộng sản” sau Chiến tranh thế giới thứ hai, giới lãnh đạo Mỹ phát hiện Đông Nam Á là một hướng quan trọng nhưng đang là “mắt xích” yếu nhất. Vì vậy, Báo cáo của Bộ Ngoại giao gửi lên Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ (NSC 64) nhấn mạnh: cần thiết phải ngăn chặn sự bành trướng của cộng sản ở Đông Nam Á bằng sự trợ giúp về chính trị, viện trợ kinh tế và quân sự. Đông Dương trở thành chiến trường quan trọng của Mỹ ở Đông Nam Á và là nơi bị đe dọa trực tiếp [1]. Theo đó, Mỹ có sự điều chỉnh trọng điểm chiến lược ở châu Á – Thái Bình Dương chuyển từ Đông Bắc Á xuống Đông Nam Á, và can thiệp sâu hơn vào Việt Nam, bán đảo Đông Dương do đây là địa bàn chiến lược đang chịu sự đe dọa trực tiếp của chủ nghĩa cộng sản. Tính đến năm 1965, đã có bốn đời tổng thống Mỹ dính líu vào cuộc chiến tranh Việt Nam: Harry S. Truman, Dwight D. Eisenhower, John F. Kennedy, Lyndon B. Johnson... Họ đều coi Việt Nam là khâu quan trọng bậc nhất trong cuộc chiến chống Cộng - ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản. Nơi đây được coi là cầu nối Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo, có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh, chính trị, kinh tế nên Mỹ không muốn để mất và phải giữ bằng mọi cách. Với Mỹ “mất Việt Nam sẽ dẫn đến nguy cơ mất cả Đông Nam Á, châu Á và phần còn lại của thế giới, giống như sự sụp đổ của các quân bài Domino. Do vậy, Mỹ cần thiết phải lập “tuyến kiểm chế”, con đê ngăn chặn, tiến tới trả đũa và phản công chủ nghĩa cộng sản ở Đông Dương [2; tr. 10].

Ngay sau khi nhậm chức Tổng thống Mỹ, Johnson đã khẳng định không muốn trở thành vị

Ngày nhận bài: 19/2/2019. Ngày sửa bài: 19/3/2019. Ngày nhận đăng: 2/4/2019.

Tác giả liên hệ: Hoàng Hải Hà. Địa chỉ e-mail: hahh@hnue.edu.vn

tổng thống đầu tiên bị gắn mác là kẻ thất bại ở Việt Nam, bởi “việc mất Việt Nam ảnh hưởng xấu đến lợi ích của Mỹ và là điều không thể chấp nhận được đối với công chúng Mỹ” [3; tr. 97], “người dân Mỹ chắc chắn sẽ không muốn tôi trốn chạy khỏi Việt Nam” [Dẫn theo 4; tr. 401]. Điều đó chứng tỏ quyết tâm giữ bằng được miền Nam Việt Nam của Mỹ cho dù phong trào đấu tranh cách mạng ở đây đang diễn ra mạnh mẽ. Để thực hiện mục tiêu này, Mỹ đã tiến hành nhiều hoạt động trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao. Về ngoại giao, trong những năm 1965-1967, chính phủ Mỹ chủ trương tuyên truyền rộng rãi và tổ chức các hoạt động “ngoại giao tìm kiếm hòa bình cho Đông Dương và Việt Nam” nhằm xây dựng hình ảnh một “nước Mỹ của hòa bình” là một bộ phận chiến lược trong cuộc chiến này. Các cuộc vận động ngoại giao này đã gây ra nhiều bất ngờ và khó khăn lớn cho cách mạng Việt Nam giữa bối cảnh quân Mỹ và đồng minh trực tiếp tham chiến, đẩy cuộc chiến tranh Việt Nam lên mức độ cao. Tuy nhiên, vấn đề thái độ và cách đối phó của VNDCCH trước chiến dịch ngoại giao mới này của Mỹ hiện chưa được nghiên cứu một cách hệ thống. Vì vậy, bài viết này hướng tới mục đích làm rõ lập trường và phân tích hoạt động của VNDCCH trên các diễn đàn truyền thông, ngoại giao quốc tế và trong nước nhằm đối phó với việc Washington đẩy mạnh tuyên truyền rộng rãi luận điệu người Mỹ luôn mong muốn cũng như nỗ lực “tìm kiếm hòa bình” cho Việt Nam, kéo dài chiến tranh là sự lựa chọn của Hà Nội.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cuộc vận động ngoại giao “Tìm kiếm hoà bình” của chính phủ Mỹ (1965-1967)

Cuộc vận động ngoại giao vì hòa bình là việc chính phủ Mỹ triển khai các hoạt động tiếp xúc, gặp mặt, gửi điện hoặc kênh ngoại giao gián tiếp nhằm mục đích tuyên truyền về chính sách “tìm kiếm hòa bình” cho cuộc chiến ở Việt Nam và Đông Dương của chính phủ Mỹ. Qua đó nhằm “một mặt thăm dò thái độ của Việt Nam, mặt khác muốn thể hiện trước dư luận thế giới về “thiện chí hòa bình” của Mỹ [5; tr. 186]. Thực tế, ngay từ năm 1963 khi Lyndon B. Johnson mới lên cầm quyền, ông muốn cho nhân dân Mỹ cũng như thế giới thấy rằng bản thân “là một con người của hòa bình” [3; tr. 11]. Để giữ hình ảnh con người của hòa bình mà mình xây dựng cũng như tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Mỹ và dư luận thế giới Johnson sử dụng “ngoại giao hòa bình” hô hào, kêu gọi thương lượng với VNDCCH, tỏ mong muốn kết thúc chiến tranh. Trong cuộc vận động bầu cử Tổng thống, Johnson tự giới thiệu mình là một ứng cử viên của lẽ phải và thận trọng kiềm chế, đối lập với B. Goldwater có phần hiếu chiến (Goldwater chính là người đã công khai chủ trương ném bom quy mô lớn với miền Bắc Việt Nam). Sau khi nhậm chức Tổng thống, Johnson đẩy mạnh triển khai các sáng kiến “tìm kiếm hòa bình cho Việt Nam”, tạo nên cuộc vận động ngoại giao lớn nhất nước Mỹ trong cuộc Chiến tranh Việt Nam.

Trong chiến dịch ngoại giao này, người Mỹ tuyên bố “miền Bắc xâm lược miền Nam”, “Mỹ đưa quân vào miền Nam là thực hiện cam kết với đồng minh của Mỹ” [6; tr. 199] và luôn đòi hỏi VNDCCH cũng đồng thời phải rút quân khỏi miền Nam thì hoà bình mới có thể lập lại. Năm 1965, Mỹ đưa ra Sách trắng “Vì sao có vấn đề Việt Nam” nhằm đổ lỗi cho chính phủ VNDCCH muốn kéo dài chiến tranh và biện bạch cho việc Mỹ tăng cường can thiệp vào miền Nam Việt Nam [6; tr. 205]. Trong hai năm 1966-1967, Mỹ liên tục mở các “chiến dịch hòa bình” trong đó nhấn mạnh “miền Bắc xâm lược miền Nam”, yêu cầu miền Bắc rút quân để đàm phán hòa bình, và kéo dài chiến tranh chính là sự lựa chọn của Hà Nội, nước Mỹ luôn mong muốn hòa bình cho Việt Nam. Ngoài ra, Mỹ còn kết hợp tận dụng con bài ném bom miền Bắc, ngừng ném bom ít ngày để hỗ trợ việc triển khai “sáng kiến hòa bình” gây sức ép buộc VNDCCH ngồi vào bàn đàm phán.

Để thực hiện “tìm kiếm hòa bình” chính phủ Mỹ đã tổ chức nhiều sáng kiến, đợt vận động có tên Công thức Baltimore, Kế hoạch 14 điểm của Johnson, “Bông cúc vạn thọ” (Marigold), “Hoa hướng dương” (Sunflower), Kế hoạch Pennsylvania, Công thức San Antonio và kênh Romania.

Theo các kế hoạch này, Mỹ không chỉ trực tiếp gửi điện thư tới chính phủ VNDCCH, sử dụng các diễn đàn quốc tế của Liên hợp quốc, mà còn tận dụng tối đa các kênh ngoại giao trung gian gồm nhà khoa học, nhà ngoại giao... để tiếp xúc thăm dò thái độ của Hà Nội về vấn đề thương lượng chấm dứt chiến tranh theo hướng có lợi cho Mỹ, và thuyết phục Hà Nội rút quân khỏi miền Nam theo cách “có đi có lại”. Sau chiến dịch ngoại giao Pinta của Mỹ, nhiều quan chức quốc tế vốn có ít nhiều mối quan hệ với Việt Nam đã được cử đến Hà Nội để thông báo về Kế hoạch 14 điểm của Johnson công bố trong tài liệu *Những đóng góp của Mỹ vào cái giỏ hòa bình* vào tháng 12-1965. Các kênh Ba Lan, Rumani, Canada, Anh... đã lần lượt hoạt động như trung gian hòa giải, người chuyển thông điệp của Mỹ và thăm dò quan điểm của VNDCCH. Trong cuộc vận động này Mỹ đưa ra những luận điệu: “Hoa Kỳ mong muốn hòa bình một cách nhanh chóng... Hoa Kỳ sẵn sàng đàm phán không điều kiện”, “sẽ đề nghị Quốc hội Mỹ thông qua ngân sách một tỷ đô-la đầu tư vào Đông Nam Á một khi hòa bình được lập lại”, “sẵn sàng đi bất cứ đâu, bất cứ lúc nào, gặp bất cứ ai, nếu có triển vọng tiến tới một nền hòa bình danh dự”... [6; tr. 206]. Ngày 29-9-1967, trong bài diễn văn đọc trước hội nghị lập pháp diễn ra ở San Antonio (công thức San Antonio), Tổng thống Johnson tuyên bố: tiếp tục chiến tranh không phải sự lựa chọn của nước Mỹ mà là của Hà Nội, mong muốn của nước Mỹ là đàm phán hòa bình nhưng Hà Nội đã từ chối [7].

2.2. Các hoạt động đấu tranh truyền thông và ngoại giao của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Đứng trước các đợt vận động ngoại giao “rầm rộ” của Mỹ, những tuyên bố trước công luận của Washington, Chính phủ VNDCCH tỏ ra tương đối linh hoạt trong việc sử dụng các kênh truyền thông để đấu tranh ngoại giao [8; tr. 552-553]. VNDCCH đã liên tục ban hành các văn kiện chính thức nêu rõ quan điểm của mình về cuộc chiến của người Mỹ ở Việt Nam, cũng như lập trường đối với giải pháp chấm dứt chiến tranh. Tháng 3- 1965, trên cơ sở phân tích tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 11 đã dành một phần quan trọng đề cập nhiệm vụ “Đẩy mạnh công tác đấu tranh ngoại giao cho phù hợp với tình hình mới” và nêu phương hướng đấu tranh ngoại giao [5; tr. 185]. Nghị quyết có ý nghĩa là nền tảng, định hướng cho quá trình đấu tranh ngoại giao của nhân dân Việt Nam trong thời kỳ cách mạng mới. Tiếp đó, ngày 2 - 4 - 1965, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 94-CT/TW Về công tác tư tưởng trong hình thức trước mắt, nêu rõ: Đối với ngoài nước, phải tăng cường công tác tuyên truyền đối ngoại, nhằm tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ mạnh mẽ hơn nữa của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên Xô và Trung Quốc, của nhân dân châu Á, châu Phi, khu vực Mỹ Latinh và nhân dân tiến bộ thế giới với sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc của nhân dân ta. Đặc biệt, tranh thủ sự ủng hộ của dư luận quốc tế là một nhiệm vụ luôn được đặt lên hàng đầu nhằm xây dựng, củng cố mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ cuộc cách mạng và đảm bảo chiến thắng của dân tộc. Đến tháng 12 -1965, với Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 12, một lần nữa việc thực hiện công tác đối ngoại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được nhấn mạnh.

Ngày 8 - 4 - 1965, chính phủ VNDCCH đã nêu ra nguyên tắc cơ bản cho việc giải quyết vấn đề Việt Nam trong “Tuyên bố bốn điểm”. Bản tuyên bố này nêu rõ “lập trường và nguyên tắc lớn của một giải pháp cho vấn đề Việt Nam trên cơ sở vận dụng những điều khoản của Hiệp định Geneva năm 1954 phù hợp với tình hình mới ở Việt Nam” [6; tr. 208]. Nói cách khác, “Tuyên bố bốn điểm” đã khẳng định lập trường yêu cầu Mỹ và các nước trên thế giới cần thực hiện đúng theo hiệp định Geneve, tôn trọng hòa bình, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Quan điểm và lập trường trên là định hướng cho cuộc đấu tranh truyền thông, ngoại giao trong và ngoài nước nhằm đối phó với chiến dịch ngoại giao “tìm kiếm hòa bình” của Mỹ. Trên cơ sở đó, Đảng Lao động Việt Nam và chính phủ VNDCCH đã triển khai nỗ lực truyền thông và quan hệ công chúng tương đối lớn thông qua việc sử dụng báo chí trong nước, họp báo với các cơ quan thông tấn quốc tế, trả lời điện thư, phỏng vấn của giới truyền thông quốc tế, đón tiếp các vị khách quốc tế có tầm ảnh hưởng tại Hà Nội... Các hoạt động này hướng tới mục đích

tố cáo tội ác chiến tranh, phê phán và bác bỏ những luận điệu “cùng rút quân để thiết lập hòa bình”, làm rõ sự mâu thuẫn trong tuyên bố “đàm phán không điều kiện” và hành động chiến tranh của Mỹ; ra sức tranh thủ sự ủng hộ của Chính phủ và nhân dân các nước trên thế giới; giải thích để họ hiểu tình hình, từ đó đồng tình với quan điểm và cuộc kháng chiến của Việt Nam.

2.2.1. Sử dụng các diễn đàn và truyền thông quốc tế

Tích cực gửi và trả lời điện, thư của các nước trên thế giới

Ngay từ khi Johnson triển khai cuộc vận động “Ngoại giao hòa bình”, hoạt động viết thư, gửi điện tới lãnh đạo nhiều nước luôn được chính phủ VNDCCH chủ động tiến hành. Trong suốt năm 1965-1967, đã có nhiều bức thư, điện gửi từ VNDCCH đến các nước và ngược lại. Nội dung các bức thư đa dạng phong phú, trong đó bày tỏ quan điểm, lập trường của nhân dân và chính phủ VNDCCH; kêu gọi và cảm ơn sự ủng hộ từ các nước, các tổ chức trên thế giới. Ngày 24 - 1 - 1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư đến các vị đứng đầu nhà nước và chính phủ gần 70 nước trên thế giới bao gồm các vị đứng đầu nhà nước xã hội chủ nghĩa, các nước liên quan đến Hiệp định Geneva năm 1954, các nước dân tộc chủ nghĩa và nhiều nước khác quan tâm đến tình hình Việt Nam. Trong thư, Chủ tịch Hồ Chí Minh tố cáo những hoạt động quân sự ác liệt của người Mỹ ở Việt Nam như đưa thêm binh lính Mỹ và các nước chư hầu vào miền Nam, thực hiện những hoạt động bắn phá ở miền Bắc. Không chỉ vậy, Hồ Chủ tịch còn nêu rõ việc Washington “rêu rao về thiện chí hòa bình” là để “lừa bịp nhân dân thế giới và dư luận Mỹ”. Người Mỹ “vừa tăng cường và mở rộng chiến tranh xâm lược Việt nam, vừa rêu rao “thiện chí hòa bình”, “sẵn sàng thương lượng không điều kiện”, hòng lừa bịp dư luận thế giới và dư luận nhân dân Mỹ. Gần đây, chính phủ Giôn-xơn mở một cuộc vận động gọi là “đi tìm hòa bình” và đưa ra đề nghị 14 điểm. Họ bảo chữa cho cuộc chiến tranh xâm lược của họ ở miền Nam là “giữ lời cam kết” với ngụy quyền tay sai ở Sài Gòn và vu khống cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân miền Nam Việt Nam là “sự xâm lược của miền Bắc Việt Nam”. Luận điệu giả dối đó quyết không thể xóa bỏ được lời tuyên bố trịnh trọng của Mỹ tại Giơ-ne-vơ năm 1954. Lời đó là Mỹ “sẽ không xâm phạm đến Hiệp định Giơ-ne-vơ bằng cách đe dọa hoặc dùng vũ lực”. Luận điệu giả dối của Tổng thống Giôn-xơn càng không thể che giấu được tội ác của Mỹ ở Việt Nam” [9; tr. 30-31].

Đặc biệt, ngày 8 - 2 - 1967, Tổng thống Mỹ Johnson đã gửi thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong đó đưa ra những điều kiện cho việc chấm dứt ném bom bắn phá miền Bắc Việt Nam, chấm dứt việc đưa quân viễn chinh Mỹ vào Việt Nam. Tổng thống Mỹ viết: “Tôi sẵn sàng ra lệnh chấm dứt ném bom nước Ngải và ngừng đưa thêm lực lượng Mỹ vào miền Nam Việt Nam ngay khi nào tôi được bảo đảm là việc thâm nhập vào miền Nam Việt Nam bằng đường bộ và đường thủy đã chấm dứt. Tôi tin rằng những hoạt động tự kiểm chế đó của cả hai bên sẽ tạo điều kiện cho chúng ta tiến hành một cuộc thảo luận nghiêm chỉnh và không hình thức sớm dẫn đến hòa bình” [10; tr. 4]. Tuy nhiên, chỉ vài ngày sau, ngày 14 tháng 2 năm 1967, Johnson ra lệnh ném bom trở lại miền Bắc nhằm gây sức ép cho VNDCCH. Đứng trước hành động đó của nước Mỹ, ngày 21 tháng 3 năm 1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn trả lời thư của Tổng thống Mỹ, qua đó tố thiện chí và nguyện vọng hòa bình của Việt Nam. Trong thư Hồ Chí Minh viết: “cho đến khi giành được độc lập, tự do thật sự và hòa bình chân chính” [9; tr. 231]; yêu cầu Mỹ chấm dứt hoạt động chiến tranh ở Việt Nam “chính phủ Mỹ đã gây ra chiến tranh xâm lược Việt Nam thì con đường đưa đến hòa bình ở Việt Nam là Mỹ phải chấm dứt xâm lược”, “chỉ sau khi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ mới có thể nói chuyện và bàn các vấn đề có liên quan đến hai bên” [11; tr. 1].

Lãnh đạo Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trả lời phỏng vấn của các phóng viên quốc tế

Trong giai đoạn này, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhiều nhà lãnh đạo VNDCCH đã liên tục đón tiếp và đồng ý trả lời phỏng vấn của các nhà báo và nhiều hãng thông tấn quốc tế. Qua việc trả lời phỏng vấn, những quan điểm, thái độ của VNDCCH được tuyên truyền lan rộng rãi trên phạm vi

quốc tế, giúp nhân dân thế giới hiểu được thiện chí hòa bình của Việt Nam cũng như hiểu đúng hơn về thực chất “sáng kiến hòa bình” của Mỹ. Theo thống kê dựa trên báo Nhân Dân và Hồ Chí Minh toàn tập, trong 3 năm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời gần 20 cuộc phỏng vấn từ các phóng viên quốc tế. Trả lời nhà báo Yosihisa Tacano (Báo Acahata, Nhật Bản), chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện quyết tâm chiến đấu chống Mỹ của nhân dân Việt Nam, yêu cầu Mỹ thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung trong Hiệp định Geneva (1954). Người nói: “Nhân dân Việt Nam yêu chuộng hòa bình, luôn luôn tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954. Nhưng nhân dân Việt Nam quyết chiến đấu đến cùng chống bọn xâm lược... Muốn giải quyết vấn đề Nam Việt Nam, trước hết Mỹ phải rút ra khỏi miền Nam, để nhân dân nam Việt Nam quyết định lấy công việc của mình và Mỹ phải đình chỉ những cuộc tiến công khiêu khích nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Thực hiện được những điều cơ bản đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi để đi đến một hội nghị như kiểu Hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954. Đó là cách giải quyết hợp tình, hợp lý, có lợi cho hòa bình và có lợi cho nhân dân Mỹ” [5; tr. 371-372].

Tháng 7 - 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời phỏng vấn báo Hôm nay và báo Cách mạng (Cuba) về thái độ, quan điểm của VNDCCH với chính sách “ngoại giao hòa bình” của Mỹ. Các phóng viên đã trao đổi về những lời tuyên bố của Johnson về “hòa bình thương lượng” cùng lúc với tiến hành “leo thang trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam. Hồ Chủ tịch đã bày tỏ rằng những luận điệu “hòa bình thương lượng” của Johnson sẽ không thể lừa bịp được ai do mâu thuẫn giữa lời nói và hành động của chính mình. Người nói: “Trong khi Giôn-xơn làm rùm beng về “thương lượng hòa bình” thì ông ta lại ra sức đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam và tăng cường việc ném bom phá hoại miền Bắc. Thế là ông ta đã tự lộ mặt nạ trước thế giới” [2; tr. 1].

Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh cũng đã thực hiện nhiều cuộc phỏng vấn với các nhà báo và hãng báo chí nước ngoài. Trang 1 Báo Nhân dân số 4202, ra ngày 6 tháng 10 năm 1965 đăng bài “Thủ tướng Phạm Văn Đồng trả lời phỏng vấn của đoàn nhà báo Cộng hòa Ả-Rập thống nhất”. Trong bài phỏng vấn, Thủ tướng nhấn mạnh lập trường của VNDCCH là muốn Mỹ thực hiện đúng theo Tuyên bố bốn điểm đã công bố thì mới có thể có một giải pháp chính trị. Ông nói, “Chúng tôi đã từng nói và chúng tôi nhắc lại: chính phủ Mỹ phải trình trọng tuyên bố công nhận lập trường bốn điểm ấy, thì mới có thể tính đến một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam” [13; tr. 1]. Ngày 28 tháng 1 năm 1967, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam – Nguyễn Duy Trinh đã trả lời phỏng vấn của nhà báo Burchette (Australia). Trong buổi phỏng vấn, ông Nguyễn Duy Trinh nhấn mạnh yêu cầu: “Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thì Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mỹ mới có thể nói chuyện với nhau” [14; tr.194].

Nhìn chung, trong các cuộc phỏng vấn, lãnh đạo VNDCCH luôn nêu quan điểm nhất quán là yêu cầu các nước trên thế giới, đặc biệt là Mỹ phải thực hiện đúng theo nội dung của Hiệp định Geneva năm 1954, yêu cầu Mỹ phải đình chiến, rút quân khỏi miền Nam Việt Nam. Sau lời tuyên bố của Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh, các cơ quan thông tấn và đại diện Việt Nam ở nước ngoài đã công bố lập trường của Việt Nam trên phạm vi quốc tế như một cuộc tấn công ngoại giao đối với Mỹ. Động thái này tác động lớn tới dư luận quốc tế, Tổng thư ký Liên hợp quốc và Giáo hoàng sau đó đều lên tiếng đòi Mỹ chấm dứt ném bom. Có thể nhận thấy rằng, việc trả lời phỏng vấn, và tận dụng công cụ truyền thông quốc tế có vai trò vô cùng quan trọng đối với VNDCCH khi phải đối mặt với sức ép từ cuộc vận động “ngoại giao hòa bình” quy mô của Mỹ. Dưới áp lực lớn từ dư luận, ngày 8 tháng 2 năm 1967 Tổng thống Mỹ đã viết thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh bày tỏ mong muốn thỏa thuận hòa bình với Việt Nam. Và trong bài diễn văn đọc tại Hội nghị lập pháp ở San Antonio (29-9-1967), lời lẽ của Johnson đã mềm mỏng hơn khi giải thích rằng Mỹ không đòi Hà Nội hạn chế hoạt động quân sự, không muốn nhấn mạnh phải chấm dứt ngay các cố gắng chiến tranh mà chỉ đòi hỏi không tăng cường các cố gắng đó [14; tr. 198].

2.2.2. Hoạt động của báo chí trong nước

Theo niên giám báo chí, từ năm 1965 đến năm 1967 ở Việt Nam có nhiều các tờ báo hoạt động như Báo Lao động, Công an Nhân dân, Quân đội nhân dân, Thương mại, Nhân dân, Tiền Phong, Thể thao Việt Nam, Văn hóa, Giáo dục và Thời đại, Khoa học và Đời sống, Thiếu niên Tiền phong,... Bên cạnh phản ánh diễn biến cuộc chiến, báo chí giai đoạn này đóng vai trò to lớn trong công tác tuyên truyền và đấu tranh ngoại giao. Mỗi tờ báo hoạt động đều đóng vai trò quan trọng trong công tác đấu tranh truyền thông chống luận điệu “tìm kiếm hòa bình”, chính sách “ngoại giao hòa bình” của Mỹ, trong đó, báo Nhân dân là tờ một trong những tờ báo điển hình. Từ năm 1965 đến năm 1967, báo Nhân dân đã xuất bản gần 1100 số báo từ số 3928 đến số 5012. Các số của Báo Nhân dân được ra hàng ngày, cập nhật vắn tắt nhưng toàn diện những điểm nóng trong tình hình của đất nước. Nội dung trên tờ báo tương đối đa dạng, phong phú: tố cáo âm mưu xâm lược, tội ác của Mỹ và chính quyền Sài Gòn; tuyên truyền chủ trương của Đảng và Nhà nước; phản ánh và cổ vũ công cuộc xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam; cuộc vận động quốc tế và đấu tranh ngoại giao của Đảng, Nhà nước và toàn thể nhân dân Việt Nam... [15]. Những nội dung này cũng được thể hiện qua nhiều hình thức, thể loại như: xã luận, bình luận, tin tức, tin vắn... nhằm phản ánh toàn diện mọi mặt của xã hội, đặc biệt là cuộc đấu tranh truyền thông đối phó với chính sách “ngoại giao hòa bình” của Mỹ.

Trong cuộc chiến ngoại giao mới này, báo Nhân dân luôn theo sát tình hình, cập nhật nhanh chóng những thông tin cả trong nước và quốc tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết nhiều bài báo trên báo Nhân dân tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ, kêu gọi nhân dân thế giới ủng hộ cách mạng Việt Nam. Sau sự kiện Mỹ đưa ra sách trắng (1965) “Vi sao có vấn đề Việt Nam” nhằm đổ lỗi của chính phủ VNDCCH và biện bạch cho việc Mỹ tăng cường can thiệp vào miền Nam Việt Nam, ngày 8 tháng 3 năm 1965, báo Nhân dân số 3992 đã đăng bài “Sách trắng” của Mỹ do Chủ tịch Hồ Chí Minh viết. Bài viết khẳng định “sách trắng” mà Mỹ đưa ra là một “văn kiện đen tối nhất, xấu xa và dơ bẩn nhất trong lịch sử. Đó chỉ là một bộ giấy lộn hôi tanh”; lên án tội ác của đế quốc Mỹ, “vạch rõ đế quốc Mỹ là kẻ phá hoại Hiệp định Geneva, đế quốc Mỹ là kẻ xâm lược”; thể hiện quyết tâm chống Mỹ: “Đế quốc Mỹ chỉ có thể chọn một trong hai con đường: hoặc là chuẩn bị tinh thần chờ đón một trận Điện Biên Phủ, hoặc là thi hành đúng Hiệp định Geneva” [16; tr. 4].

Ngoài ra có thể kể đến các bài viết quyết liệt của cây bút hoạt động tích cực trên báo Nhân dân với bút danh “Người bình luận”. Sau sự kiện “Hội nghị cấp cao bảy nước” họp tại Manila giữa Mỹ và các nước đồng minh, Người bình luận đã viết bài báo “Một tấn tuồng nhạt nhẽo” tố cáo âm mưu của Mỹ trong số báo ra ngày 17 tháng 10 năm 1966. Trong bài viết viết tác giả đã dùng những ngôn từ, giọng điệu gay gắt: “Cái “biện pháp hòa bình” mà Mỹ đã nêu ra ở hội nghị Ma-ni-la còn trắng trợn, láo xược hơn cả những “điều kiện” trước đây của Mỹ, những điều kiện mà nhân dân Việt Nam đã kiên quyết bác bỏ. Với những luận điệu ở hội nghị Ma-ni-la, một lần nữa, bọn đế quốc Mỹ định đảo lộn trắng đen giữa kẻ xâm lược và người chống xâm lược”. Những từ như “trắng trợn”, “láo xược”, “đảo lộn trắng đen” đã thể hiện rõ sự bất bình của tác giả đối với những âm mưu ngày càng nguy hiểm của đế quốc Mỹ, thể hiện lòng yêu nước, quyết tâm đấu tranh để chống lại “kẻ xâm lược” [17].

Báo Nhân dân không chỉ đăng bài viết của các tác giả trong nước mà còn trích dẫn nhiều bài đăng trên các tạp chí, tờ báo nước ngoài phân tích về cuộc vận động “tìm kiếm hòa bình” của Mỹ. Trong số báo ra ngày 3 - 10 - 1965, tại trang 4 có đăng bài của tờ “Nhân dân Nhật báo (Trung quốc) bóc trần luận điệu hòa bình bịp bợm của Mỹ ở Liên hiệp quốc”. Nhân dân Nhật Báo có viết: “Mỹ đã đưa ra đề nghị là Mỹ ngừng ném bom, còn Bắc Việt Nam thì “giảm bớt các hoạt động quân sự” ở miền Nam và “xuống thang” chiến tranh. Đế quốc Mỹ ở xa tít tận đông Thái Bình dương, còn Việt Nam thì ở tây Thái Bình dương. Vậy thì tại sao Mỹ lại tiến hành “những hoạt động quân sự” ở Việt Nam? Rõ ràng những “hoạt động quân sự” là hoạt động xâm lược. Chừng

nào còn bóng bọn xâm lược Mỹ trên đất Việt Nam, thì dù “leo thang” hay “xuống thang”, nhân dân Việt Nam cũng nhất định chống lại kiên quyết. Mấu chốt của vấn đề Việt Nam quyết không phải là “xuống thang” hay gì cả mà là bọn xâm lược Mỹ phải cuốn gọi ngay khỏi Việt Nam”.

Những hoạt động của báo Nhân dân giai đoạn 1965-1967 đóng vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh truyền thông đối phó với việc tuyên truyền luận điểm “tìm kiếm hòa bình” của Mỹ. Các bài viết trên báo đã góp phần truyền tải tiếng nói của nhân dân Việt Nam tới bạn bè thế giới, giúp họ có cái nhìn sát thực hơn về cuộc chiến tranh đang diễn ra ở Việt Nam, từ đó làm sáng tỏ tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đồng thời, thông qua hoạt động của tờ báo, nhân dân Việt Nam nắm bắt được những thông tin trong nước và diễn biến tình hình quốc tế, từ đó có được sự động viên, cổ vũ về mặt tinh thần.

2.2.3. Đón tiếp các phái đoàn quốc tế

Thực hiện Công thức Baltimore, trong những năm 1965 – 1967, nhiều cuộc thăm dò, tiếp xúc với phía VNDCCH thông qua các đại sứ, các nhà khoa học đã được Mỹ triển khai. Theo kế hoạch này, Đại sứ Canada Seaborne, Phái đoàn hòa bình Khối Liên Hiệp Anh, các giáo sư người Italia G. La Pira và Primecherio... đã đến Hà Nội với nhiệm vụ “thăm dò quan điểm của Việt Nam, đồng thời có ý hù dọa về khả năng sẽ đánh phá miền Bắc mạnh hơn nữa để buộc Hà Nội phải đàm phán” [18; tr. 186]. Bên cạnh đó, chính phủ VNDCCH đã thực hiện đón tiếp nhiều phái đoàn quốc tế khác như chuyến thăm của Thứ trưởng Ngoại giao Ba Lan Mikhailovsky (đầu tháng 1 năm 1966), nhà ngoại giao Ronning (đầu năm 1966), J. Sainteny (7-1966) ... Thông qua việc mở rộng cửa đón tiếp nhiệt tình các phái đoàn quốc tế, nhân dân Việt Nam thể hiện rõ tinh thần hữu nghị, mong muốn được chung sống hòa bình cũng như nỗ lực trong việc xây dựng đất nước, và tổn thất mà những cuộc ném bom phá hoại của người Mỹ gây ra. Trong buổi tiếp và nói chuyện với Ronning - nhà ngoại giao Canada vốn từng tham gia Hội nghị Geneva (1954) được cử sang Hà Nội để mang thư của chính phủ Canada trả lời Chủ tịch Hồ Chí Minh và tìm kiếm khả năng đóng góp vào vấn đề Việt Nam, Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhấn mạnh lập trường của Việt Nam: “tóm lại là bốn điểm và Mỹ phải đình chỉ đánh phá miền Bắc vĩnh viễn và không điều kiện... Chúng tôi không thể thay đổi một chút nào, cả bốn điểm là quyền lợi tối cao của nhân dân Việt Nam” [14; 190]. Ngày 5 - 7 - 1966, tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp J. Sainteny – đặc phái viên do De Gaulle cử sang để làm “nòng ầm” lại quan hệ Việt-Pháp, tìm kiếm một giải pháp thương lượng. Trong cuộc tiếp xúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định nguyện vọng hòa bình của nhân dân Việt Nam và khả năng đi đến một giải pháp thương lượng là việc Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc thì Hà Nội sẽ có cử chỉ đáp lại. “Chỉ có một giải pháp, đó là Mỹ rút đi. Chúng tôi không muốn làm cái gì xấu đối với họ, chúng tôi sẵn sàng đem nhạc và hoa tiễn họ...” [14; tr. 191]. Còn Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói rõ “chúng tôi không phản đối một giải pháp thương lượng nhưng chúng tôi không muốn người ta đưa chúng tôi đến một Munich” [14; tr. 191] (*Hiệp ước Munich* là bản hiệp ước được ký kết vào ngày 30-9-1938 giữa bốn cường quốc: Anh, Pháp, Đức Quốc xã và Italia cho phép Đức sáp nhập vùng Sudette ở Tiệp Khắc mà không có sự tham gia của chính Tiệp Khắc. Mặc dù Thủ tướng Anh lúc đó đã phát biểu ca ngợi Hiệp ước Munich vì đem lại “hòa bình trong danh dự” song đây là bước mở đầu để Hitler thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc và đi ngược lại với những gì mà chính phủ Tiệp Khắc đã từng hy vọng ở Anh, Pháp trước cuộc xâm lược Tiệp Khắc của Hitler).

Cuối năm 1966- đầu năm 1967, Hà Nội cũng tiếp đón những vị khách Mỹ đầu tiên kể từ khi miền Bắc bị bắn phá như nhà báo Salisbury (từ New York Times), H.M. Asmore (chủ bút tờ Akansas), đoàn Những người tình nguyện vì hòa bình... Khi đến Việt Nam, các nhà báo, nhà hoạt động tôn giáo đã đi thăm một số địa điểm quanh Hà Nội bị Mỹ ném bom, tiếp xúc với các tù binh Mỹ, và được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp đón thân mật. Có thể nói, việc tiếp đón những vị khách quốc tế, đặc biệt là người Mỹ có ý nghĩa quan trọng trong cuộc đấu tranh ngoại giao, truyền thông chống luận điệu “tìm kiếm hòa bình”. Vì sau khi trở về nước, các vị khách này đã truyền tải

những thông tin họ thu nhận được từ các cuộc gặp mặt với lãnh đạo VNDCCH cho giới chức và báo chí Mỹ. Đoàn Những người tình nguyện vì hòa bình cũng chuyển lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh tới Tổng thống Johnson: “Tổng thống Johnson đã nói rằng ông ta sẽ gặp bất cứ ai, ở đâu và bất cứ lúc nào để nói chuyện hòa bình. Tôi xin mời ông Johnson đến Hà Nội như là khách của chúng tôi. Ông hãy đến với vợ và con gái, người thư ký, bác sĩ và người đầu bếp của mình. Nhưng đừng mang theo tướng lĩnh và đồ đạc. Tôi xin đảm bảo rằng Tổng thống sẽ an toàn tuyệt đối” [18; tr. 287].

Tháng 7 - 1967, hai nhà khoa học người Pháp Marcovich và R.Aubrac vốn có mối quan hệ thân thiết với Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1946 đã đến thăm Hà Nội với tư cách sang làm việc tại Viện vệ sinh dịch tễ theo kế hoạch Pennsylvania. Thủ tướng Phạm Văn Đồng liên tục nhấn mạnh trong các cuộc gặp mặt với họ rằng, nước Mỹ phải ngừng ném bom không điều kiện, không được dùng bom đạn đe dọa, và nếu điều này xảy ra thì sẽ không còn trở ngại cho các cuộc thương lượng [8; tr. 575]. Trong chuyến đi này, hai nhà khoa học đã chứng kiến được cảnh trẻ em Việt Nam bị thương, bị chết do bom đạn của Mỹ. Do đó, R. Aubrac vô cùng xúc động và sau chuyến thăm ông đã kêu gọi Mỹ chấm dứt ném bom vô điều kiện ở Việt Nam. Thậm chí, ông còn sang gặp Kissinger – ngoại trưởng Mỹ, Tổng thư ký Liên hợp quốc Kurt Waldheim để tìm các giải pháp hòa bình cho Việt Nam. Hai nhà khoa học này sau đó đã rút ra khỏi vai trò “trung gian” trong kế hoạch Pennsylvania vì nhận thấy nước Mỹ không thực hiện đúng cam kết ngừng ném bom, đàm phán không điều kiện như thông điệp đã nhờ họ chuyển đi.

Chính phủ Mỹ cũng sử dụng Rumani để làm trung gian liên lạc, tiếp cận Việt Nam trong năm 1967 do nước này mặc dù thuộc khối Warsaw nhưng vẫn thi hành chính sách đối ngoại thân Mỹ và phương Tây. Ngày 17 - 12 - 1967, Thứ trưởng ngoại giao Rumani là G.Macovescu được Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp đón trọng thị. Thông qua kênh Rumani, chính phủ VNDCCH một lần nữa khẳng định cơ sở nguyên tắc của đàm phán là chính sách bốn điểm và hai bên chỉ có thể nói chuyện khi Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh. Nhận thấy không thể thay đổi được lập trường của phía VNDCCH, Johnson sau đó đã chấm dứt các cuộc tiếp xúc bí mật liên tục trong những năm 1965-1967.

3. Kết luận

Với chiến dịch “ngoại giao hòa bình”, Washington đã tuyên truyền với dư luận quốc tế rằng người Mỹ đang thực hiện “tìm kiếm hòa bình” ở Việt Nam và hòa bình chỉ đạt được khi chính phủ Hà Nội rút quân. Những luồng thông tin này gây khó khăn cho công tác xây dựng mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến cũng như tạo bất lợi cho phái đoàn VNDCCH nếu như bước vào cuộc đàm phán với Mỹ. Đứng trước các hoạt động ngoại giao rầm rộ của chính phủ Johnson, VNDCCH đã thể hiện quan điểm, lập trường đấu tranh thông qua bản “Tuyên bố bốn điểm” được công bố vào tháng 4 năm 1965. Lập trường của Việt Nam rất rõ ràng: Mỹ là kẻ xâm lược, vì vậy Mỹ phải ngừng xâm lược, cái gọi là “có đi có lại” mà nước Mỹ nêu ra là vô lý và không thể chấp nhận được. Quan điểm này đã được gửi đến dư luận thế giới thông qua nhiều kênh khác nhau như trả lời phỏng vấn của truyền thông quốc tế; chia sẻ, phát biểu trong các buổi đón tiếp các phái đoàn quốc tế; công bố trên báo chí trong nước... Những hoạt động truyền thông và ngoại giao tích cực và linh hoạt này đã góp phần làm cho chính phủ và nhân dân các nước hiểu hơn về cuộc chiến tranh đang diễn ra ở Việt Nam, từ đó củng cố mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Đây là nguồn động viên tinh thần to lớn, tạo nền tảng cho cuộc đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Paris sau này (1968- 1973).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Report to the National Security by The Department of State, 1950. NSC 64 Note by The Executive

- Secretary to the National Security Council on The Position of the United States with Respect to Indochina*, 27 – 2 - 1950. Nguồn: https://history.state.gov/historicaldocuments/frus_1950v06/d480 (truy cập ngày 2-3-2019).
- [2] Bùi Đình Bôn, 2015. *Chiến lược của Mỹ qua các đời Tổng thống và nguyên nhân thất bại của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam*. Nxb Quân đội Nhân dân.
- [3] Lê Tùng Lâm, 2018. *Chính sách của Mỹ đối với Việt Nam thời kỳ tổng thống Lyndon Baines Johnson*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- [4] Michael R. Beschloss ed., 1997, *Taking Charge: the Johnson White House tapes, 1963-1964*, New York: Simon and Schuster.
- [5] *Hồ Chí Minh trả lời các báo*. Nxb Chính trị quốc gia, 2015
- [6] Nguyễn Đình Bin, 2015. *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Bài diễn văn của Tổng thống Johnson ngày 29-9-1967. Nguồn: <https://millercenter.org/the-presidency/presidential-speeches/september-29-1967-speech-vietnam> (truy cập ngày 12- 4- 2019)
- [8] Pierre Asselin, 2012. “*We Don’t Want a Munich*”: *Hanoi’s Diplomatic Strategy, 1965–1968*, *Diplomatic History* Vol 36, No 3, pp. 547-580.
- [9] Hồ Chí Minh, 2004. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 12. Nxb Chính trị Quốc gia.
- [10] Báo Nhân dân, 1967. *Thư của tổng thống Mỹ Giôn-xơn gửi Hồ chủ tịch*, số 4730, ra ngày 22 – 3.
- [11] Báo Nhân dân, 1967. *Chính phủ Mỹ đã gây ra chiến tranh xâm lược Việt Nam thì con đường đưa đến hòa bình ở Việt Nam là Mỹ phải chấm dứt xâm lược*, số 4730, ra ngày 22 - 3.
- [12] Báo Nhân dân, 1965. *Hồ Chủ tịch trả lời các báo Hôm nay và Cách mạng (Cuba)*, số 4135, ra ngày 30-7.
- [13] Báo Nhân dân, “*Thủ tướng Phạm Văn Đồng trả lời phỏng vấn của đoàn nhà báo Cộng hòa A-Rập thống nhất*”, số 4202, ra ngày 6 tháng 10 năm 1965
- [14] Vũ Dương Ninh, 2015. *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010*. Nxb Chính trị Quốc gia.
- [15] Nguyễn Thị Hảo, 2014. *Báo Nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ năm 1965 đến năm 1975*. Luận án tiến sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.
- [16] Báo Nhân dân, 1965. “*Sách trắng*” của Mỹ, số 3992, ra ngày 8 tháng 3 năm 1965.
- [17] Người Bình Luận, 1966. *Một tấn tuồng nhạt nhẽo*. Báo Nhân dân, số 4585 ra ngày 27 tháng 10 năm 1966.
- [18] Lưu Văn Lợi – Nguyễn Anh Vũ (đồng chủ biên), 2000. *Tiếp xúc bí mật Việt Nam – Hoa Kỳ trước hội nghị Paris*. Nxb Chính trị Quốc gia.

ABSTRACT

Media and diplomacy of Democratic Republic of Vietnam: a new fighting with US diplomatic campaign on “the Search for peace” (1965-1967)

Hoang Hai Ha and Nguyen Ngoc Anh

Faculty of History, Hanoi National University of Education

The article aims to analyze media and diplomatic activities conducted by Democratic Republic of Vietnam (DRV) when confronted with American government spread the Johnson’s initiative so-called “the Search for peace in Vietnam” from 1965 to 1967. Through a number of different informational channels and public relations effort including: domestic staged press conference, communication with international audiences, invitation of high-profile sympathetic foreigners to Hanoi, interviews with foreign news agencies, DRV aimed to clarify the righteousness and correctness of cause of resistance against America, and to deny American conditions of reciprocity for opening end-War negotiation, thereby creating “moral supports” for DRV during the Paris Peace Talk (1968 - 1973). This highlighted the important role of diplomatic struggle played in the Anti-American Resistance for National Salvation, in addition to military and political struggles.

Key words: Media, diplomacy, Anti-American Resistance, President Johnson.